BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC KỲ - LẦN CAO NHẤT

Năm học: 2016 - 2017 Học kỳ : 2

Khóa học : C16 Ngành đào tạo : Công nghệ Kỹ thuật giao thông

Khoa : K. Cầu đường Chuyên ngành : Xây dựng cầu đường

Bậc đào tạo : Cao đẳng Lớp học : C16CD

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm học tập			Chi tiết điểm các học phần																																															
				Xếp loại TBC	TBC	TBC TL	HHVKT (3.0)			TCCA2 (2.0)			GDTC2 (1.0)			VLXD (2.0)			TNVLXD (1.0)			PLĐC (2.0)			TINDC (2.0)			NLMLN2 (3.0)			CHCTR1 (4.0)																							
							HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP	QĐ	ĐC	HP	ĐC	QĐ	HP	QĐ	ĐC	HP	ĐC	QĐ	HP	QĐ	QĐ
1	16CQ5101040001	Nguyễn Trường	Dũ	Yếu	1.39	2.11	3.1	F	0	6.1	C+	2.5	8.8	A	4	5.0	D+	1.5	7.0	B	3	6.7	C+	2.5	5.4	D+	1.5	6.7	C+	2.5	3.6	F	0																					
2	16CQ5101040002	Nguyễn Quang	Dự	Yếu	1.18	1.75	4.0	D	1	5.5	C	2	6.2	C+	2.5	4.5	D+	1.5	6.5	C+	2.5	3.6	F	0	5.7	C	2	5.9	C	2	1.9	F	0																					
3	16CQ5101040003	Huỳnh Hữu Trọng	Đức	Yếu	1.47	2.26	3.5	F	0	5.7	C	2	8.8	A	4	5.4	D+	1.5	8.3	B+	3.5	6.6	C+	2.5	6.0	C+	2.5	6.2	C+	2.5	2.1	F	0																					
4	16CQ5101040004	Phan Ngọc	Hiền	Yếu	1.45	2.21	3.6	F	0	6.2	C+	2.5	6.6	C+	2.5	4.8	D+	1.5	7.8	B+	3.5	6.7	C+	2.5	4.2	D	1	7.3	B	3	3.0	F	0																					
5	16CQ5101040015	Nguyễn Mạnh	Khoan	Yếu	1.89	2.32	6.2	C+	2.5	6.1	C+	2.5	6.4	C+	2.5	5.7	C	2	7.3	B	3	6.3	C+	2.5	5.8	C	2	6.2	C+	2.5	2.8	F	0																					
6	16CQ5101040005	Hà Đình	Khương	Yếu	1.47	2.31	3.8	F	0	6.4	C+	2.5	5.2	D+	1.5	5.4	D+	1.5	7.3	B	3	6.7	C+	2.5	5.2	D+	1.5	7.4	B	3	3.3	F	0																					
7	16CQ5101040006	Lê Văn	Minh	Yếu	1.18	1.84	3.3	F	0	4.9	D+	1.5	5.2	D+	1.5	4.4	D	1	7.8	B+	3.5	6.6	C+	2.5	5.0	D+	1.5	5.6	C	2	2.9	F	0																					
8	16CQ5101040007	Nguyễn Ngọc	Sơn	Trung bình	2.11	2.60	3.5	F	0	6.7	C+	2.5	7.4	B	3	5.2	D+	1.5	7.8	B+	3.5	6.2	C+	2.5	5.0	D+	1.5	7.6	B+	3.5	6.1	C+	2.5																					
9	16CQ5101040008	Nguyễn Văn	Sỹ	Yếu	1.18	1.82	3.0	F	0	6.3	C+	2.5	7.4	B	3	5.7	C	2	7.3	B	3	4.8	D+	1.5	4.8	D+	1.5	5.3	D+	1.5	2.7	F	0																					
10	16CQ5101040009	Nguyễn Hải	Thạch	Trung bình	2.26	2.20	5.8	C	2	6.7	C+	2.5	8.2	B+	3.5	6.7	C+	2.5	6.8	C+	2.5	7.4	B	3	6.4	C+	2.5	6.5	C+	2.5	5.1	D+	1.5																					
11	16CQ5101040010	Nguyễn Võ Thiên	Thơ	Trung bình	2.32	2.25	5.3	D+	1.5	7.2	B	3	7.6	B+	3.5	6.3	C+	2.5	7.3	B	3	8.1	B+	3.5	6.5	C+	2.5	6.6	C+	2.5	4.9	D+	1.5																					
12	16CQ5101040011	Nguyễn Dương	Triều	Yếu	1.79	2.25	5.5	C	2	7.1	B	3	7.2	B	3	4.9	D+	1.5	7.5	B+	3.5	6.2	C+	2.5	4.9	D+	1.5	6.3	C+	2.5	3.1	F	0																					
13	16CQ5101040013	Phan Thái	Trình	Yếu	0.00	1.50	0.0	F	0	2.9	F	0	5.4	D+	1.5	2.6	F	0	2.5	F	0	1.9	F	0	2.7	F	0	1.9	F	0	0.0	F	0																					
14	16CQ5101040012	Lê Anh	Tuấn	Yếu	1.26	1.81	3.7	F	0	6.0	C+	2.5	7.2	B	3	5.0	D+	1.5	7.5	B+	3.5	5.2	D+	1.5	6.3	C+	2.5	4.9	D+	1.5	2.4	F	0																					

Tổng HSSV: **14**

Phú Yên, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	3	21.43%
Khá	0	0.00%	Yếu	11	35.71%

NGƯỜI LẬP **KHOA CẦU ĐƯỜNG**

Nguyễn Thị Thu Hường **Đinh Văn Vinh**